ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG LÊ CHÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:510 /KH-UBND	*Phường Lê Chân, ngày* 03 *tháng* 11 *năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn phường Lê Chân

Thực hiện Kế hoạch số 327/KH-SYT ngày 24/10/2026 của Sở Y tế thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân phường Lê Chân xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn phường như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn thành phố.

Cụ thể hóa các nhiệm vụ của địa phương theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT; xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

Bảo đảm các chính sách hỗ trợ về dân số được triển khai đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng mức, đúng thẩm quyền; công khai, minh bạch, thuận tiện cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của phường.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và Nhân dân trong thực hiện chính sách dân số và phát triển; góp phần duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số và tăng cường chăm sóc người cao tuổi.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân phường; phát huy vai trò chủ trì của Trạm Y tế và sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các ban, ngành, cơ quan, đơn vị.

Các nhiệm vụ phải gắn với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

Bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; những nội dung đã được cụ thể tại Quyết định số 2141/QĐ-

BYT, các Thông tư, Quyết định hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG HỖ TRỢ

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số

1.1. Nội dung

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và các chính sách của thành phố về dân số.

- Nội dung, hình thức tuyên truyền thực hiện theo khoản 1 Mục II Phụ lục Danh mục nhiệm vụ tổ chức thi hành Luật Dân số và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và từng nhóm đối tượng, địa bàn.

- Tập trung tuyên truyền về:

+ Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con;

+ Chính sách sàng lọc trước sinh, sơ sinh;

+ Chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng;

+ Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số;

+ Các chính sách của thành phố quy định tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

+ Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện chính sách dân số.

1.2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026.

2. Hỗ trợ tài chính khi sinh con

2.1. Đối tượng, điều kiện và thời điểm thực hiện

a) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chính sách này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

b) Phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc xác định tình trạng mức sinh thực hiện theo khoản 4 Điều 14 Luật Dân số; thời điểm áp dụng chính sách thực hiện theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

c) Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi

- Đối tượng, điều kiện và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đồng thời, thực hiện chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố: hỗ trợ một lần bằng tiền 3.000.000 đồng đối với phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Trường hợp đồng thời thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND thì thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và quy định của Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND, bảo đảm người thụ hưởng được hưởng một mức hỗ trợ theo quy định, không chi trùng chính sách.

- Chính sách quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND được thực hiện trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực.

2.2. Mức hỗ trợ

- Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người: thực hiện mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Đối với phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế: thực hiện mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP kể từ thời điểm chính sách có hiệu lực và khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

- Đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi: thực hiện mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/lần theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

2.3. Trình tự, thủ tục

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con cùng với thời điểm đăng ký khai sinh theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin, bảo đảm chi đúng đối tượng, đúng điều kiện, không trùng lặp và không bỏ sót đối tượng.

3. Hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh

3.1. Phạm vi, đối tượng

Phạm vi bệnh, đối tượng khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trong đó:

- Sàng lọc trước sinh: thực hiện mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP;

- Sàng lọc sơ sinh: thực hiện mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá gói dịch vụ thì thực hiện mức hỗ trợ theo giá gói dịch vụ được phê duyệt.

3.3. Lộ trình thực hiện

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026: Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP được sử dụng miễn phí gói dịch vụ theo Điều 9 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và được hưởng mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Tất cả phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được hưởng hỗ trợ gói dịch vụ theo Điều 9 và điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP từ nguồn kinh phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

3.4. Phương thức thực hiện

- Phương thức chi trả và tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Trạm Y tế phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu tổ chức cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn và quy định của pháp luật; việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu dịch vụ công thực hiện theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

- Việc đào tạo, hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật thực hiện theo các nhiệm vụ tại điểm 3.2 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT; các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và Quyết định số 2037/QĐ-BYT, Quyết định số 2040/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế.

4. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng

4.1. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà

- Nội dung chăm sóc, người thực hiện chăm sóc và các điều kiện liên quan thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc tập huấn, hướng dẫn chuyên môn thực hiện theo điểm 3.1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT và Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế.

4.2. Chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

a) Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

- Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động thực hiện theo Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc thành lập, duy trì và hoạt động của câu lạc bộ thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng

- Việc tổ chức, địa điểm, nội dung chăm sóc và người thực hiện chăm sóc thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng thuộc trạm y tế cấp xã theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

c) Người thực hiện chăm sóc

Tình nguyện viên, người làm chuyên môn tại Trạm Y tế phường, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, nhân viên công tác xã hội thực hiện nhiệm vụ theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; việc tập huấn thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

5. Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số

5.1. Đối tượng và nhiệm vụ

Cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các tiêu chuẩn, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định, hướng dẫn.

5.2. Chế độ thù lao hằng tháng

- Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đối với cộng tác viên dân số tại tổ dân phố trên địa bàn phường, mức hỗ trợ hằng tháng thực hiện theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

5.3. Chính sách hỗ trợ cộng tác viên dân số tiêu biểu

Ngoài chế độ thù lao hằng tháng theo quy định, thực hiện chính sách hỗ trợ hằng năm đối với cộng tác viên dân số tiêu biểu theo đối tượng, tiêu chí, mức hỗ trợ và điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

5.4. Việc bố trí, quản lý và phân công

Việc bố trí số lượng, chức danh, chế độ kiêm nhiệm và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thực hiện theo Điều 3, Điều 4, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận, phân công cộng tác viên dân số phụ trách địa bàn theo thẩm quyền; chỉ đạo Trạm Y tế phường hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số

Tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số; chú trọng chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi và hoạt động của cộng tác viên dân số.

Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, bảo đảm thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và điều kiện thực tế của phường.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tin, báo chí và đội ngũ cộng tác viên dân số trong công tác tuyên truyền, vận động.

2. Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định

Rà soát các văn bản, chính sách của thành phố có liên quan đến Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế những nội dung không còn phù hợp.

Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Thực hiện các nội dung chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế, trong đó tập trung triển khai các nội dung đã được ban hành, hướng dẫn tại: Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng; Quyết định số 2037/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân công phạm vi phụ trách và nhiệm vụ thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh của các Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực; Quyết định số 2040/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo về sàng lọc trước

sinh, sàng lọc sơ sinh, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; và Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh; đồng thời tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn chuyên môn khác có liên quan do Bộ Y tế ban hành, bảo đảm thống nhất, đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của phường.

Đối với những nội dung đã được quy định cụ thể tại văn bản của Trung ương, thực hiện theo đúng quy định, không đặt thêm điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc thủ tục ngoài quy định.

Chủ động cập nhật, tham mưu điều chỉnh việc tổ chức thực hiện khi có văn bản pháp luật, hướng dẫn mới được ban hành.

3. Thực hiện chính sách hỗ trợ sinh con

Triển khai chính sách hỗ trợ sinh con theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời điểm thực hiện theo quy định.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ của thành phố theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Bảo đảm việc thực hiện các chính sách hỗ trợ thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo; trường hợp đồng thời thuộc nhiều chính sách thì thực hiện theo nguyên tắc và điều kiện của từng chính sách.

Khai thác, kết nối, đối soát thông tin từ hệ thống đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên VNeID và các cơ sở dữ liệu có liên quan để phục vụ xác định đối tượng và thực hiện chi trả.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc xét duyệt và chi trả; kịp thời phát hiện, xử lý và thu hồi các khoản hỗ trợ chi không đúng đối tượng, điều kiện theo quy định.

4. Đẩy mạnh sàng lọc trước sinh và sơ sinh

Tổ chức thực hiện các nội dung về sàng lọc trước sinh, sơ sinh theo Điều 9, Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

Tăng cường tư vấn, tuyên truyền, vận động phụ nữ mang thai và gia đình đưa trẻ sơ sinh tham gia sàng lọc theo quy định.

Phối hợp với các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thực hiện sàng lọc để bảo đảm người dân trên địa bàn được tiếp cận dịch vụ theo quy định.

Phối hợp triển khai chính sách hỗ trợ chi phí sàng lọc đúng đối tượng, phạm vi, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí theo từng giai đoạn.

Trạm Y tế phường rà soát các điều kiện thuộc phạm vi quản lý, chủ động phối hợp với cơ sở y tế được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sàng lọc và thực hiện theo hướng dẫn của Sở Y tế, cơ quan y tế cấp trên; không tổ chức cung cấp dịch vụ vượt quá phạm vi chuyên môn được giao.

Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai tại địa phương; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và báo cáo cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

5. Chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng

Tổ chức thực hiện các hình thức chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

Căn cứ điều kiện thực tế, tổ chức các hoạt động, mô hình, câu lạc bộ và điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng phù hợp với nhu cầu của người dân.

Tăng cường chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, lập và quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi.

Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, Hội Người cao tuổi, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

Lồng ghép các nguồn lực, chương trình, chính sách của thành phố để nâng cao hiệu quả chăm sóc người cao tuổi tại cơ sở.

6. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng tác viên dân số

Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, đào tạo, tập huấn và chế độ đối với cộng tác viên dân số theo Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế.

Bố trí, quản lý cộng tác viên dân số phù hợp với số lượng, chức danh và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm của cộng tác viên dân số.

Phát huy vai trò của cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin và hỗ trợ triển khai chính sách dân số tại cộng đồng.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số theo quy định.

7. Bảo đảm nguồn lực, kinh phí thực hiện

Chủ động cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi, đào tạo, tập huấn và truyền thông về dân số.

Chủ động chuẩn bị nguồn lực thực hiện chính sách sàng lọc từ năm 2027 theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các chương trình, kế hoạch có liên quan.

Lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án và nguồn hợp pháp khác; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

8. Tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát

- Phân công rõ trách nhiệm của từng ban, ngành, đoàn thể; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tại cơ sở, nhất là việc xác định đối tượng, chi trả hỗ trợ, cung cấp dịch vụ và quản lý, sử dụng kinh phí.

- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp thực hiện chưa đúng quy định.

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, xác định những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

- Các phòng chuyên môn, đơn vị, tổ dân phố thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Chủ động tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện; đề xuất cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện trên địa bàn phường; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Thường xuyên cập nhật, đánh giá kết quả thực hiện để tham mưu điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

Kinh phí hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

Kinh phí thực hiện chăm sóc người cao tuổi, trong đó có hoạt động của điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng, thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Kinh phí thực hiện chế độ đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND và Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

2. Lập, phân bổ và sử dụng kinh phí

Các phòng chuyên môn, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động lập dự toán kinh phí hằng năm, gửi Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND phường xem xét, bố trí theo khả năng cân đối ngân sách, phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - xã hội

- Là đầu mối tham mưu UBND phường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp việc triển khai Kế hoạch; phối hợp với Trạm Y tế và các phòng, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của UBND phường.

- Chủ trì, phối hợp với Trạm Y tế, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công tham mưu UBND phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số.

- Chủ trì tham mưu UBND phường triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ sinh con, chăm sóc người cao tuổi và các chính sách dân số khác thuộc trách nhiệm của UBND phường; phối hợp với Trạm Y tế rà soát đối tượng, hướng dẫn thực hiện chính sách, bảo đảm không đặt thêm điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc thủ tục ngoài quy định.

- Theo dõi việc công nhận, phân công, quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số; phối hợp với Trạm Y tế tham mưu thực hiện theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND, Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn.

- Phối hợp với Trạm Y tế tham mưu triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng; theo dõi tình hình thực hiện các chính sách chăm sóc người cao tuổi trên địa bàn.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch trên cơ sở báo cáo chuyên môn của Trạm Y tế và các phòng, đơn vị liên quan; tham mưu UBND phường báo cáo UBND thành phố và Sở Y tế theo quy định.

2. Trạm Y tế

- Là đầu mối chuyên môn trực tiếp thực hiện công tác dân số trên địa bàn phường; căn cứ Kế hoạch của Sở Y tế và tình hình thực tế địa phương, xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các nhiệm vụ dân số và phát triển vào kế hoạch hoạt động của Trạm Y tế; tổ chức triển khai bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Chủ trì tổ chức tư vấn, truyền thông các chính sách dân số thuộc lĩnh vực chuyên môn; phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội rà soát, quản lý đối tượng

thụ hưởng chính sách hỗ trợ khi sinh con; hướng dẫn người dân tiếp cận các dịch vụ và thực hiện chính sách theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện trong việc tư vấn, giới thiệu, chuyển tuyến thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ, theo dõi kết quả và phối hợp theo dõi các trường hợp cần can thiệp theo quy định.

- Chủ trì triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập và quản lý hồ sơ sức khỏe, theo dõi sau khám, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe và hướng dẫn người cao tuổi tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo hướng dẫn chuyên môn.

- Tham mưu, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Hội Người cao tuổi và các đơn vị liên quan triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; tham mưu điều kiện tổ chức, hoạt động của câu lạc bộ và điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng khi có nhu cầu, đủ điều kiện.

- Phát huy vai trò của viên chức, nhân viên y tế và cộng tác viên dân số trong công tác tuyên truyền, vận động, quản lý đối tượng, cập nhật thông tin và hỗ trợ triển khai các chính sách dân số tại địa bàn.

- Hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá hoạt động của cộng tác viên dân số; phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các tổ dân phố trong việc quản lý, hỗ trợ cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện thống kê, cập nhật dữ liệu dân số, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND phường (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) và cơ quan y tế cấp trên theo quy định; kịp thời đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động dân số tại cơ sở.

3. Phòng Kinh tế

- Chủ trì tham mưu UBND phường về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách, phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách dân số và các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn.

- Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Công an

- Phối hợp bảo đảm thông tin dân cư chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ việc xác định đối tượng thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế phường trong khai thác, đối soát thông tin dân cư, thông tin định danh điện tử phục vụ thực hiện chính sách dân số theo quy định của pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

- Chủ trì tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các hình thức truyền thông phù hợp.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế phường xây dựng nội dung tuyên truyền thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận đối với từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường tuyên truyền về chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và các chính sách dân số khác; chú trọng tuyên truyền, vận động người dân chủ động tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo quy định.

6. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn

- Phối hợp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với học sinh về dân số, sức khỏe sinh sản và các nội dung có liên quan theo hướng dẫn của ngành Giáo dục và cơ quan chuyên môn.

7. Hội Người cao tuổi phường

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, người cao tuổi thực hiện các chính sách về dân số và chăm sóc người cao tuổi.

- Phối hợp với UBND phường, Trạm Y tế duy trì, phát triển các câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, vận động người cao tuổi tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe phù hợp.

Phối hợp rà soát nhu cầu chăm sóc người cao tuổi, cung cấp thông tin về người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi cần được hỗ trợ chăm sóc; vận động nguồn lực xã hội hợp pháp phục vụ công tác chăm sóc người cao tuổi.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chính sách dân số.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đối với việc thực hiện chính sách.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng theo quy định của pháp luật.

9. Tổ dân phố

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách dân số đến Nhân dân; vận động người dân chủ động tìm hiểu, thực hiện các chính sách và tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo quy định.

- Phối hợp với Trạm Y tế và Phòng Văn hóa - Xã hội rà soát, cung cấp thông tin về đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ sinh con và các đối tượng cần được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe; bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác theo yêu cầu.

- Phối hợp với Trạm Y tế rà soát nhu cầu chăm sóc người cao tuổi tại địa bàn; vận động người cao tuổi tham gia khám sức khỏe định kỳ, các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại gia đình và cộng đồng.

- Quan tâm, tạo điều kiện để cộng tác viên dân số thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa bàn; phối hợp tuyên truyền, vận động, rà soát, cập nhật thông tin đối tượng và phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách dân số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP trên địa bàn phường Lê Chân. Ủy ban nhân dân phường đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; bảo đảm các chính sách dân số được thực hiện kịp thời, đúng quy định và hiệu quả./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế (để báo cáo);
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Phòng Kinh tế;
- Công an phường;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công;
- Trạm Y tế;
- Các cơ sở giáo dục;
- Hội NCT phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, VHXH, NTT Nhung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Việt Anh